TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE ——————— Số: 23/2024/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Mỏ Cày Nam, ngày 08 tháng 4 năm 20243*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả số tiền vay tài sản còn thiếu cho ông Nguyễn Văn P là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Bắt đầu trả khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự do Tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị L mỗi bên chịu ½ là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 9.038.000 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003873, ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn P được hoàn trả 5.788.000 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự không còn yêu cầu, thỏa thuận nào khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Thẩm phán

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

*__Nơi nhận__:
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam.*
- *TAND tỉnh Bến Tre.*
- *CC.THADS huyện Mỏ Cày Nam.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*